



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3074**/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **23** tháng **10** năm **2026**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải số hóa đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 310/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025, Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 2162/QĐ-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải số hóa đối với thủ tục hành chính trong

lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

(chi tiết tại Phụ lục, kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1620/QĐ-BTC ngày 23/6/2026 của Bộ Tài chính ban hành danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải số hóa đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (P. CCHC);
- Cục Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (để đăng tải công TTĐT);
- Thuế tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CT (VP). 

(4b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Cao Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 3074../QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Bộ Tài chính)

1. Danh mục Thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải số hóa

STT	Mã số TTHC ⁽¹⁾	Tên TTHC	Cơ quan giải quyết ⁽²⁾	Thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết phải số hóa ⁽³⁾	Số QĐ đã công bố TTHC	Ghi chú
1	1.010761	Đề nghị kết nối để phối hợp thu nộp ngân sách nhà nước (NSNN)/Thay đổi, bổ sung thông tin kết nối/Ngừng kết nối	Cục Thuế	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp (1) Đề nghị kết nối để phối hợp thu nộp NSNN của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và tổ chức dịch vụ khác với cơ quan thuế: + Văn bản đề nghị kết nối với Hệ thống thông tin quản lý thuế theo mẫu số 01/KNNT-TĐT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Hồ sơ, tài liệu chứng minh (nếu có) về việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Cục Thuế. (ii) Trường hợp (2) Thay đổi, bổ sung thông tin kết nối đã ký thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và tổ chức dịch vụ khác:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Văn bản đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến thông tin kết nối đã cung cấp theo mẫu số 01/KNNT-TĐT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ÷ Các tài liệu kèm theo. (iii) Trường hợp (3) Tạm ngừng/ngừng kết nối với Hệ thống thông tin quản lý thuế: + Văn bản tạm ngừng cung cấp dịch vụ hoặc Văn bản ngừng cung cấp dịch vụ. 2. Kết quả giải quyết: Thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận văn bản đề nghị kết nối với Hệ thống thông tin quản lý thuế; hoặc yêu cầu bổ sung thông tin theo mẫu 01/TBKN-TĐT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
2	1.011011	Đề nghị áp dụng Thủ tục thỏa thuận song phương theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (MAP)	Cục Thuế	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai mẫu số 01/DTA-MAP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 02/MAP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Mẫu số 03/MAP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quyết định số 1911/QĐ-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính	

				Mẫu số 04/MAP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
3	1.010331	Đề nghị áp dụng thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Cục Thuế	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 01/APA-ĐN ban hành kèm theo Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1911/QĐ-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính
4	1.014405	Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội	Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn	1. Thành phần hồ sơ: Thông báo đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội theo mẫu số 01/TB-ĐVHT ban hành kèm theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính
5	1.008494	Đăng ký thuế để khấu trừ và nộp thay nghĩa vụ thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài: + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bảng kê các hợp đồng nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế thông qua bên Việt Nam mẫu số BK04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính

				(ii) Đối với tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế thực hiện khấu trừ, nộp thay cho nhà cung cấp nước ngoài: + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (iii) Đối với Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân: + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bản sao hợp đồng hoặc văn bản hợp tác kinh doanh. (iv) Đối với Chủ quản nền tảng thương mại điện tử khấu trừ, nộp thay cho nhà cung cấp nước ngoài, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.1-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. (v) Đối với tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu: + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 04.4-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Thông báo mã số thuế nộp thay mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC		
6	1.008498	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân, người phụ thuộc	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không phải đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

			ngành lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	pháp luật về đăng ký doanh nghiệp; cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: + Đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động kinh doanh là người Việt Nam: ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; hoặc hồ sơ khai thuế có tích hợp thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Đối với hộ kinh doanh thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 37 Thông tư số 90/2026/TT-BTC thì nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh còn hiệu lực. + Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài, cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC hoặc hồ sơ khai thuế có tích hợp thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; ++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân; hoặc bản sao giấy tờ có giá trị sử dụng đối		
--	--	--	---	---	--	--

với cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá tại chợ biên giới theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 122/2024/NĐ-CP).

(ii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân hoặc có nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (trừ cá nhân kinh doanh) - Trường hợp cá nhân ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập:

+ Đối với cá nhân là người Việt Nam

++ Văn bản ủy quyền đăng ký thuế mẫu số 41/UQ-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (đối với trường hợp người phụ thuộc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC và các giấy tờ khác xác định người phụ thuộc theo quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

+ Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không

				có sổ định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: ++ Văn bản ủy quyền đăng ký thuế mẫu số 41/UQ-ĐKT, Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (đối với trường hợp người phụ thuộc quy định tại điểm d khoản 2 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu); ++ Các giấy tờ khác xác định người phụ thuộc theo quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. - Trường hợp cá nhân không ủy quyền đăng ký thuế cho cơ quan chi trả thu nhập + Trường hợp cá nhân là người Việt Nam: ++ Đối với cá nhân: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Đối với người phụ thuộc: Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐKT, Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (đối với trường hợp người phụ thuộc quy định tại điểm d khoản 2 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC và các giấy tờ khác xác định người phụ		
--	--	--	--	---	--	--

				thuộc theo quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. + Trường hợp cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có sổ định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: ++ Đối với cá nhân: +++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC và bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân; +++ Bản sao văn bản bổ nhiệm của tổ chức sử dụng lao động trong trường hợp cá nhân người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân được cử sang Việt Nam làm việc nhưng nhận thu nhập tại nước ngoài. ++ Đối với người phụ thuộc: +++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐKT, Bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng mẫu số 07/XN-NPT-TNCN (đối với trường hợp người phụ thuộc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP) ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; +++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của người phụ thuộc hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu); +++ Bản sao các giấy tờ xác định người phụ thuộc theo quy định pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.		
--	--	--	--	---	--	--

				(iii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là cá nhân đăng ký thuế thông qua hồ sơ khai thuế, khoản thu khác: + Đối với cá nhân là người Việt Nam ++ Hồ sơ khai thuế có tích hợp thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện liên thông thì cơ quan thuế căn cứ vào phiếu chuyển thông tin của cơ quan có thẩm quyền gửi đến nếu không có hồ sơ khai thuế. + Đối với cá nhân là người có quốc tịch nước ngoài hoặc là người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có số định danh cá nhân được xác lập từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: ++ Hồ sơ khai thuế có tích hợp thông tin đăng ký thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện liên thông thì cơ quan thuế căn cứ vào phiếu chuyển thông tin của cơ quan quản lý nhà nước gửi đến nếu không có hồ sơ khai thuế; ++ Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân hoặc bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực (nếu không có hộ chiếu). 2. Kết quả giải quyết: Giấy chứng nhận đăng ký thuế	
--	--	--	--	--	--

7	2.002225	Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là tổ chức kinh tế, tổ chức khác có phát sinh nghĩa vụ với NSNN và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh). * Đối với tổ chức kinh tế là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản (trừ tổ hợp tác): + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính
---	----------	--	--	--	---

				hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam). * Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế: + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; trường hợp đơn vị phụ thuộc được cấp mã số thuế 10 chữ số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 90/2026/TT-BTC là Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc giấy chứng nhận đăng ký	
--	--	--	--	---	--

kinh doanh theo quy định của pháp luật nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).

* Đối với tổ chức khác là đơn vị độc lập, đơn vị chủ quản, tổ hợp tác:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Bản sao quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

* Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

+ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành

				kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); + Bản sao quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp. (ii) Đăng ký thuế lần đầu đối với người nộp thuế là Người điều hành, công ty điều hành chung, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn. + Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bảng kê nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương; bản sao văn bản giao nhiệm vụ điều hành, văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền (nếu có), quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương của đơn vị được giao nhiệm vụ điều hành. 2. Kết quả giải quyết: Giấy chứng nhận đăng ký thuế		
--	--	--	--	--	--	--

8	1.008503	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh)	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với NNT là tổ chức (trừ trường hợp đăng ký theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh; tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam; chủ chương trình, dự án, phi dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (bao gồm cả văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định); Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc quyết định thành lập, hoặc giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp nếu thông tin trên các giấy tờ này có thay đổi. (ii) Đối với tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
---	----------	---	--	---	---	--

				nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam; chủ chương trình, dự án, phi dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (bao gồm cả văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định); Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. (iii) Đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật nhưng không phải đăng ký hộ kinh doanh qua cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;		
--	--	--	--	--	--	--

				+ Bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân nếu thông tin trên giấy tờ này có thay đổi đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam sinh sống tại nước ngoài không có sổ định danh cá nhân. 2. Kết quả giải quyết: Đối với cá nhân nước ngoài: Thông báo mã số thuế cá nhân mẫu số 14-MST đã cập nhật thông tin thay đổi ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC		
9	1.008504	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi; doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ tại CQT nơi chuyển đi trước khi thực hiện thủ tục thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh * Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. * Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm a, b, c, g, i, p Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. + Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp địa chỉ trên các giấy tờ này có thay đổi. * Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm d, k Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. (ii) Đăng ký hủy chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi chuyển đi Văn bản đăng ký hủy chuyển địa điểm mẫu số 31/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Thông báo người nộp thuế chuyển địa điểm mẫu số 09-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.		
10	1.008505	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ gia đình/cá nhân kinh doanh có thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (thực hiện tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến), trừ trường	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với người nộp thuế theo quy định tại Điểm a, b, c, d, g, p, i, k khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC: + Văn bản đăng ký chuyển địa điểm tại cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đến mẫu số 30/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế đã	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

		hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh.		cập nhật thông tin thay đổi ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC		
11	1.007042	Đăng ký thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Thông báo đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh hoặc tiếp tục hoạt động sau tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trước thời hạn mẫu số 23/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo chấp thuận/không chấp thuận tạm ngừng hoạt động, kinh doanh/tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn mẫu số 27/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. + Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo đơn vị chủ quản mẫu số 33/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có) + Thông báo về việc tiếp tục hoạt động, kinh doanh trở lại trước thời hạn theo đơn vị chủ quản mẫu số 34/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có)	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
12	1.008759	Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu: + Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

			ngiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC: ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với		
--	--	--	---	---	--	--

				Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam). + Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, p Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bản sao quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp. (ii) Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất là hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế: + Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp		
--	--	--	--	---	--	--

				đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương; (iii) Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập nếu có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế: + Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bản sao Quyết định tách tổ chức hoặc Bản sao hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương; + Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương đương khác. 2. Kết quả giải quyết: (i) Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: + Giấy chứng nhận đăng ký thuế (lần đầu). (ii) Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất: + Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo đơn vị chủ quản gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm		
--	--	--	--	--	--	--

				theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Thông báo chuyên nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. (iii) Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập thay đổi thông tin ĐKT: + Giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế).		
13	2.002321	Đăng ký thuế đối với trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của tổ chức (Chuyển đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập hoặc ngược lại)	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với đơn vị chủ quản, đơn vị độc lập mới thành lập sau chuyển đổi: + Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê chủ sở hữu pháp lý, chủ sở hữu hưởng lợi của công ty nước ngoài có chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam mẫu số BK07-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bản sao giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật của nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam). + Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, p Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban		
--	--	--	--	--	--	--

hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bản sao quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

(ii) Đối với đơn vị phụ thuộc mới thành lập sau chuyển đổi:

+ Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC:

++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC;

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc quyết định thành lập, hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nước có chung biên giới (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua, bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu,

				chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam). + Đối với đơn vị phụ thuộc của tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, p Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 90/2026/TT-BTC: ++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 02-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; ++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu có); ++ Bản sao quyết định thành lập hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp. (iii) Đối với đơn vị bị chấm dứt MST sau chuyển đổi: + Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC; + Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc, hoặc Thông báo chấm dứt hoạt động của đơn vị chủ quản, hoặc Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với đơn vị phụ thuộc của cơ quan có thẩm quyền 2. Kết quả giải quyết: (i) Đối với hồ sơ đăng ký thuế lần đầu: + Giấy chứng nhận đăng ký thuế.		
--	--	--	--	--	--	--

				(ii) Đối với hồ sơ chấm dứt hiệu lực MST: + Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC + Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC + Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo đơn vị chủ quản gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC + Thông báo chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC		
14	1.008510	Khôi phục mã số thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế mẫu số 25/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. + Bản sao văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp tổ chức kinh tế, tổ chức khác đề nghị khôi phục mã số thuế do cơ quan có thẩm quyền có văn bản hủy bỏ văn bản thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương); + Bản sao văn bản hủy bỏ Quyết định chia, Hợp đồng sáp nhập, Hợp đồng hợp nhất;	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				hoặc bản sao văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc (đối với trường hợp Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã đã nộp hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc đến cơ quan thuế, sau đó có văn bản hủy Quyết định chia, hợp đồng sáp nhập, hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản hủy quyết định chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc và người nộp thuế chưa nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động đến cơ quan đăng ký kinh doanh). + Trường hợp người nộp thuế đã thay đổi địa chỉ trụ sở nhưng không đăng ký thay đổi thông tin với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh (sau khi cơ quan thuế có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký): Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định 2. Kết quả giải quyết: (i) Trường hợp NNT được khôi phục MST: + Thông báo khôi phục mã số thuế mẫu số 19/TB-DKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. + Thông báo về việc mã số thuế được khôi phục theo đơn vị chủ quản mẫu số 37/TB-DKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC (nếu NNT được khôi phục MST là đơn vị chủ quản).		
--	--	--	--	--	--	--

				+ Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế đã nộp bản gốc cho cơ quan thuế theo hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế. (ii) Trường hợp người nộp thuế không được khôi phục mã số thuế: + Thông báo về việc mã số thuế không được khôi phục mẫu số 38/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC.		
15	1.007014	Khai/hoàn thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của NNT áp dụng phương pháp khấu trừ thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với người nộp thuế có hoạt động sản xuất điện: + Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Trường hợp người nộp thuế là cơ sở sản xuất thủy điện có nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh: Phụ lục bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện mẫu số 01-2/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (thực hiện đến hết kỳ tính thuế tháng 12 năm 2026). + Phụ lục đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01-8/GTGT trường hợp NNT có số thuế GTGT đề nghị hoàn. (ii) Đối với người nộp thuế có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán: + Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				+ Phụ lục bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán mẫu số 01-3/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có). (iii) Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp viễn thông có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh khác với nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính: + Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Trường hợp người nộp thuế có dịch vụ viễn thông cước trả sau: Phụ lục bảng phân bổ thuế GTGT phải nộp (trừ sản xuất thủy điện, kinh doanh xổ số điện toán) mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (thực hiện đến hết kỳ tính thuế tháng 12 năm 2026). + Trường hợp người nộp thuế có hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông, thực hiện đầu tư mua sắm tập trung tại trụ sở chính hoặc tại đơn vị được phân cấp ủy quyền thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm: toàn bộ tài sản cố định, vật tư, hàng hóa, chi phí dịch vụ mua ngoài) dùng chung hệ thống hạ tầng viễn thông đầu tư, mua sắm phát sinh tại trụ sở chính hoặc đơn vị phân cấp ủy quyền, nếu có nhu cầu thì thực hiện phân bổ số thuế giá trị gia tăng đầu vào cho trụ sở chính, các chi nhánh tại các tỉnh (bao gồm cả chi nhánh đóng trụ sở địa bàn cùng tỉnh với nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì		
--	--	--	--	--	--	--

				nộp thêm Phụ lục phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo mẫu 01-7/GTGT). (i) Đối với người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất (bao gồm cả cơ sở gia công, lắp ráp) và cơ sở sản xuất điện mặt trời mái nhà khác tỉnh với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính: + Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ++ Phụ lục bảng phân bổ thuế GTGT phải nộp (trừ sản xuất thủy điện, kinh doanh xổ số điện toán) mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (thực hiện đến hết kỳ tính thuế tháng 12 năm 2026). (ii) Đối với người nộp thuế có hoạt động khai thác dầu khí: + Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (iii) Đối với người nộp thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính (trừ hoạt động chuyển nhượng bất động sản của dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP): + Tờ khai thuế GTGT mẫu số 05/GTGT ban hành kèm theo		
--	--	--	--	---	--	--

Thông tư số 89/2026/TT-BTC (thực hiện đến hết kỳ tính thuế tháng 12 năm 2026).

(iv) Đối với người nộp thuế chỉ có hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường:

+ Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC

+ Phụ lục đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01-8/GTGT trường hợp NNT có số thuế GTGT đề nghị hoàn.

(viii) Đối với người nộp thuế thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là nhà thầu xây dựng (nhà thầu chính, nhà thầu phụ), ký hợp đồng (phụ lục hợp đồng) trực tiếp với chủ đầu tư để thi công công trình xây dựng (hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế quốc dân và quy định của pháp luật chuyên ngành) tại địa bàn khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi người nộp thuế đóng trụ sở chính (bao gồm cả công trình, hạng mục công trình xây dựng liên quan tới nhiều tỉnh):

+ Tờ khai thuế GTGT mẫu số 05/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (thực hiện đến hết kỳ tính thuế tháng 12 năm 2026).

2. Kết quả giải quyết:

Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

Trường hợp NNT có phụ lục hoàn thuế thì CQT trả kết quả:

				+ Thông báo về việc số tiền đề nghị hoàn không được hoàn thuế, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có); + Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có); + Thông báo một phần số tiền đề nghị hoàn thuế trong hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo mẫu số 05/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có); + Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐ-HT ban hành kèm theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐ-HT và Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
16	1.007016	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai thuế GTGT mẫu số 03/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

17	1.007022	Khai thuế Giá trị gia tăng đối với phương pháp trực tiếp trên doanh thu; tổ chức khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ và tổ chức khai thuế thay, nộp thay thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai thuế GTGT mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
18	1.008324	Khai/hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp hoàn thuế và có nhu cầu hoàn thuế của NNT áp dụng phương pháp khấu trừ	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai thuế GTGT mẫu số 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC và Phụ lục đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01-8/GTGT trường hợp NNT có số thuế GTGT đề nghị hoàn; Chủ đầu tư dự án hoặc tổ chức kinh tế mới, Ban Quản lý dự án, chi nhánh được chủ đầu tư giao quản lý và kê khai, hoàn thuế đối với dự án đầu tư gửi các tài liệu sau: + Bản sao điện tử Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư đối với trường hợp phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với trường hợp phải làm thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định thành lập dự án đầu tư của chủ dự án đầu tư đối với trường hợp không phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Đối với trường hợp dự án không phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				trị gia tăng phải gửi kèm theo Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư. + Đối với dự án có công trình xây dựng: Bản sao điện tử Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc biên bản bàn giao đất hoặc biên bản bàn giao mặt bằng đối với dự án PPP của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng cho thuê đất theo từng phần của dự án hoặc của cả dự án, giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; + Bản sao điện tử Chứng từ góp vốn điều lệ; + Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Bản sao điện tử một trong các hình thức Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; + Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án, Quyết định giao quản lý dự án đầu tư của chủ dự án đầu tư cho Ban quản lý dự án (đối với trường hợp giao cho Ban Quản lý dự án khai	
--	--	--	--	---	--

				thuế, hoàn thuế); Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh, Quyết định giao quản lý dự án đầu tư của chủ dự án đầu tư cho chi nhánh (đối với trường hợp giao cho chi nhánh khai thuế, hoàn thuế); Quyết định giao quản lý dự án đầu tư của chủ dự án đầu tư cho tổ chức kinh tế mới khai thuế, hoàn thuế. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
19	1.007040	Khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp khai thuế TTDB đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTDB: + Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTDB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: + Bảng xác định thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ (nếu có) mẫu số 01-2/TTDB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Bảng phân bổ thuế tiêu thụ đặc biệt theo địa bàn tỉnh, thành phố từ hoạt động kinh doanh số xổ (nếu có) mẫu số 01-3/TTDB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (ii) Trường hợp hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

+ Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

+ Phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học theo mẫu 01-4/TTĐB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

2. Kết quả giải quyết:

(i) Đối với khai thuế tiêu thụ đặc biệt đối với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

(ii) Trường hợp NNT có số thuế đề nghị hoàn TTĐB thì cơ quan thuế giải quyết đề nghị hoàn thuế ban hành:

+ Thông báo về việc số tiền đề nghị hoàn không được hoàn thuế, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có);

+ Thông báo một phần số tiền đề nghị hoàn thuế trong hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo mẫu số 05/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo

				Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có); + Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐ-HT ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐ-HT và Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
20	1.007026	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu.	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Hồ sơ khai quyết toán thuế theo năm: + Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu) theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính đến thời điểm có quyết định giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hoặc đến thời điểm tổ chức, doanh nghiệp bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính) và báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập (trừ trường hợp không bắt buộc phải kiểm toán). (ii) Hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				+ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu) theo mẫu số 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
21	1.008335	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản theo lần phát sinh, khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ bán đấu giá bất động sản, tài sản khác là tài sản bảo đảm thi hành án	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tài sản khác theo từng lần phát sinh: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, tài sản khác theo từng lần phát sinh) theo mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; (ii) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán toàn bộ Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản theo từng lần phát sinh: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản) theo mẫu số 06/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; (iii) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				động chia lợi tức cho tổ chức đầu tư: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động chia lợi tức cho tổ chức đầu tư của Quỹ đầu tư chứng khoán) theo mẫu 07/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
22	1.008344	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nước ngoài) theo mẫu số 05/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Bản sao hợp đồng chuyển nhượng 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026	
23	1.008346	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp: + Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí) theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai (tuỳ theo thực tế phát sinh của người nộp thuế) ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

++ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu số 03-2/TNDN;

++ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với thu nhập từ dự án đầu tư, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo mẫu số 03-3A/TNDN;

++ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi (Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ) theo mẫu số 03-3C/TNDN;

++ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi (Áp dụng đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao) theo mẫu số 03-3D/TNDN;

++ Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp đối với thu nhập ở nước ngoài theo mẫu số 03-4/TNDN;

++ Phụ lục thu nhập đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 03-5/TNDN;

++ Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ theo mẫu số 03-6/TNDN;

++ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với cơ sở sản xuất theo mẫu 03-8/TNDN;

++ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo mẫu 03-8A/TNDN;

++ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện theo mẫu 03-8B/TNDN;

++ Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo mẫu 03-8C/TNDN;

++ Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm theo mẫu 03-9/TNDN.

Kèm theo:

+ Báo cáo tài chính năm (trừ trường hợp không phải lập báo cáo tài chính) theo quy định của pháp luật về kế toán và báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính (trừ trường hợp không bắt buộc phải kiểm toán) theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập;

+ Thông báo về số vốn đăng ký đầu tư của dự án đầu tư mở rộng (nếu thuộc trường hợp phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp);

+ Các tài liệu khác đối với trường hợp NNT kê khai phụ lục 03-4/TNDN;

++ Trường hợp có thu nhập tại nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: Bản sao Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của NNT hoặc văn bản giải trình trong trường hợp chưa có Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài; Bản sao chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở nước ngoài hoặc bản sao văn bản xác nhận của cơ quan thuế

				nước ngoài về số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp hoặc bán sao chứng từ có giá trị tương đương có xác nhận của NNT; ++ Trường hợp được khấu trừ theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: Hồ sơ chứng minh số thuế đã nộp tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 34 Chương III Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Một hoặc một số phụ lục kèm theo tờ khai đối với NNT có quan hệ liên kết và phát sinh giao dịch liên kết theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ: ++ Phụ lục thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo mẫu Phụ lục I (áp dụng đối với NNT thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 255/2026/NĐ-CP); ++ Phụ lục danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia theo mẫu Phụ lục II (áp dụng đối với NNT thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 255/2026/NĐ-CP, trừ NNT thuộc đối tượng được miễn trừ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP); ++ Phụ lục danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo mẫu Phụ lục III (áp dụng đối với NNT thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 255/2026/NĐ-CP, trừ NNT thuộc đối tượng được miễn trừ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 255/2026/NĐ-CP).		
--	--	--	--	---	--	--

				(ii) Trường hợp khai Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia: + Thông báo về đối tượng nộp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo mẫu số 01/TB-BCLN ban hành kèm theo Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ; + Phụ lục kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
24	1.008309	Khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công) theo mẫu số 05/QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần theo mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần theo mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh theo mẫu số 05-3/BK-	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
25	1.008342	Khai thuế đối với tổ chức khấu trừ thuế, khai thay, nộp thay thuế đối với hoạt đại lý bán đúng giá bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp, hoạt động môi giới; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai thuế mẫu số 01/XSBHDCMG-CNKD Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu theo mẫu số 01/BK-XSBHDCMG Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
26	1.008529	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (không bao gồm chuyển nhượng chứng khoán) của cá nhân cư trú trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế: + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân) mẫu số 04/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng vốn. Trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp thì Hợp đồng chuyển nhượng vốn được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn; + Bản sao tài liệu xác định trị giá vốn góp theo sổ sách kế toán, trường hợp vốn góp do mua lại thì phải có hợp đồng chuyển nhượng khi mua; + Bản sao các chứng từ chứng minh chi phí liên quan đến việc xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp. (ii) Đối với tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn (không bao gồm chuyển nhượng chứng khoán): + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân) mẫu số 04/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn (Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân) mẫu số 04-1/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
--	--	--	--	---	--

				Đối với các hồ sơ, tài liệu chứng minh giá chuyển nhượng, giá mua, chi phí liên quan thì tổ chức khai thay, nộp thay không gửi đến cơ quan thuế mà lưu trữ tại đơn vị, bao gồm: Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng vốn. Trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp thì Hợp đồng chuyển nhượng vốn được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn; Bản sao tài liệu xác định trị giá vốn góp theo sổ sách kế toán, trường hợp vốn góp do mua lại thì phải có hợp đồng chuyển nhượng khi mua; Bản sao các chứng từ chứng minh chi phí liên quan đến việc xác định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp. (iii) Đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế: + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân) mẫu số 04/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán. Trong trường hợp góp vốn bằng chứng khoán thì Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được thay bằng bản sao Hợp đồng góp vốn. (iv) Đối với tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay		
--	--	--	--	---	--	--

				cho cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân) mẫu số 04/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn (Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân) mẫu số 04-1/CNV-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Đối với các hồ sơ, tài liệu chứng minh giá chuyển nhượng thì tổ chức khai thay, nộp thay không gửi đến cơ quan thuế mà lưu trữ tại đơn vị, bao gồm: Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán. Trong trường hợp góp vốn bằng chứng khoán thì Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được thay bằng Bản sao Hợp đồng góp vốn. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
27	1.008532	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ:	Thuế cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai thuế (Áp dụng đối với cá nhân trực tiếp khai thuế đối với thu nhập từ: kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

		kinh doanh của cá nhân không cư trú, đầu tư vốn, bán quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giám phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số		tư vốn, bán quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng kết quả giám phát thải nhà kính, tín chỉ các bon, chuyển nhượng tài sản số) mẫu số 04/NNG-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
28	1.008538	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế	Thuế tính, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp khai thuế TNCN đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng (trừ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biên số xe trúng đấu giá trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế) mẫu số 04/TKQT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Bản sao văn bản pháp lý chứng minh quyền nhận thừa kế, quà tặng; + Hồ sơ xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, tạm thời chưa	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định. (ii) Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế: + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (Áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản; Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá; Cá nhân chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế) mẫu số 04/TKQT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá 2. Kết quả giải quyết: Thông báo nộp thuế của cơ quan thuế mẫu 04/TB-TKQT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
29	2.002233	Khai quyết toán thuế/ Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp (1) - Khai quyết toán thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế: ++ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công) mẫu số 02/QT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ++ Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mẫu số 02-1/BK-QTT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Kèm theo: ++ Bản sao các chứng từ chứng minh số thuế đã khấu trừ (ghi rõ đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào) do cơ quan trả thu nhập cấp hoặc Bản sao chứng từ ngân hàng đối với số thuế đã nộp ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế trong trường hợp theo quy định của luật pháp nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp; ++ Tài liệu chứng minh về số tiền đã trả của đơn vị, tổ chức trả thu nhập ở nước ngoài trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập từ các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán và nhận thu nhập từ nước ngoài; ++ Hồ sơ xác định khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối, khai thác được thông tin có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì người nộp thuế không phải	
--	--	--	--	--	--

				nộp các thành phần hồ sơ kèm theo.nêu trên + Trường hợp (2)- Hoàn thuế đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế: Không phải nộp hồ sơ hoàn thuế mà chỉ cần ghi số thuế đề nghị hoàn vào chỉ tiêu [55] - “Số thuế hoàn trả cho người nộp thuế” hoặc chỉ tiêu [56] - “Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước” tại tờ khai quyết toán thuế theo mẫu số 02/QT-TNCN khi quyết toán thuế. 2. Kết quả giải quyết: + Trường hợp (1): Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết. + Trường hợp (2): Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT hoặc Quyết định hoàn kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐHT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT hoặc Thông báo số tiền đề nghị hoàn nhưng không được hoàn thuế, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT do Bộ Tài chính ban hành gửi người nộp thuế.		
30	2.002235	Khai thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với tiền lương, tiền công	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công) mẫu số 05/KK-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

			mai điện tử	+ Phụ lục bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp cho các địa phương được hưởng nguồn thu mẫu số 05-1/PBT-KK-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
31	2.002237	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả cá nhân nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động) thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân trực tiếp với cơ quan thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế) mẫu số 02/KK-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
32	1.008340	Khai thuế đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ nhận cổ phiếu thưởng của người lao động và cổ phiếu ESOP, từ bán quyền, từ nhượng quyền	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp khai thuế đối với tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ cổ phiếu thưởng cho người lao động, cổ phiếu ESOP + Tờ khai thuế theo mẫu số 06/TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập từ cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP trong năm tính thuế theo mẫu số 06-	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

		thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú	2/BK-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. (ii) Trường hợp khai thuế đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú bao gồm: từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng, từ chuyển nhượng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thái nhà kính, tín chỉ các bon, từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú. + Tờ khai thuế theo mẫu số 06/TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế mẫu số 06-1/BK-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Phụ lục Bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và trúng thưởng theo mẫu số 05-1/PBT-KK-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC		
--	--	--	--	--	--

				ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
33	1.011007	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn, cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 04/ĐTV-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. + Phụ lục bảng kê chi tiết theo mẫu số 04-1/ĐTV-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
34	1.011020	Khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân hợp tác kinh doanh	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai thuế của tổ chức khai thay theo mẫu số mẫu số 01/TCKT Phụ lục I kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Phụ lục Bảng kê chi tiết hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo mẫu 01/BK-KTHTKD Phụ lục I kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
35	1.011021	Khai thuế đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân có bất động sản cho thuê	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai thuế của tổ chức khai thay theo mẫu số 01/TCKT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026. + Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê bất động sản theo Mẫu số 02/BK-KTBĐS ban hành kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 18/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
36	1.008312	Khai thuế tài nguyên, khai quyết toán thuế tài nguyên đối với cơ sở khai thác tài nguyên	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai thuế tài nguyên, khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính. ++ Phụ lục bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện mẫu số 01-1/TAIN (áp dụng đối với cơ sở sản xuất thủy điện có hồ thủy điện nằm trên nhiều tỉnh) tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
37	1.008317	Khai phí/Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Chi cục thuế doanh nghiệp lớn, Thuế tỉnh/thành phố, Thuế Cơ sở	1.Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mẫu số 01/PBVMT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
38	1.008325	Khai/ Khai quyết toán phí, lệ phí khác thuộc ngân sách nhà nước	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1.Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai phí theo mẫu số 01/PH Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; ++ Tờ khai lệ phí theo mẫu số 01/LP Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
39	1.008331	Khai thuế đối với tái bảo hiểm nước ngoài	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1.Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài theo mẫu số 01/TBH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; ++ Phụ lục hợp đồng tái bảo hiểm, chứng từ tái bảo hiểm theo tổ chức tái bảo hiểm nước ngoài mẫu số 01-1/TBH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
40	1.008333	Khai thuế; Khai quyết toán đối với Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài/Khai thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài, cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1.Thành phần hồ sơ: (i) Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài - Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác, thành phần hồ sơ gồm: + Tờ khai thuế 01/NTNN,NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu). - Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp thực hiện khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu, thành phần hồ sơ gồm: + Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 03/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu). (ii) Trường hợp khai thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài, cá nhân không cư trú	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMDT.

+ Tờ khai thuế 01/NTNN, NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

(iii) Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài.

- Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác gồm:

+ Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

+ Phụ lục Bảng kê các nhà thầu nước ngoài theo mẫu số 02-1/NTNN kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

+ Phụ lục Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu theo mẫu số 02-2/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

- Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu.

+ Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài theo mẫu số 04/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

+ Phụ lục Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu theo mẫu số 02-2/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

				2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
41	1.008339	Khai thuế đối với hãng hàng không nước ngoài/hãng vận tải nước ngoài	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở /Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Khai thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài - Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác, thành phần hồ sơ gồm: + Tờ khai thuế 01/NTNN, NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu). - Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp thực hiện khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu, thành phần hồ sơ gồm: + Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 03/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bản sao hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (đối với lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng nhà thầu). (ii) Trường hợp khai thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài, cá nhân không cư trú	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMDT.

+ Tờ khai thuế 01/NTNN, NCCNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

(iii) Khai quyết toán thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài.

- Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu đối với hoạt động kinh doanh và các loại thu nhập khác gồm:

+ Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 02/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

+ Phụ lục Bảng kê các nhà thầu nước ngoài theo mẫu số 02-1/NTNN kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

+ Phụ lục Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu theo mẫu số 02-2/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

- Đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu.

+ Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài theo mẫu số 04/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

+ Phụ lục Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu theo mẫu số 02-2/NTNN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

				2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
42	1.008323	Khai/hoàn thuế bảo vệ môi trường	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn	1. Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai thuế BVMT mẫu số 01/TBVMT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính; ++ Phụ lục bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp cho từng tỉnh nơi được hưởng nguồn thu đối với than (nếu có) theo mẫu số 01-1/TBVMT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính; ++ Phụ lục bảng phân bổ số thuế bảo vệ môi trường phải nộp cho từng tỉnh nơi được hưởng nguồn thu đối với xăng dầu (nếu có) theo mẫu số 01-2/TBVMT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính; ++ Phụ lục thông tin đề nghị hoàn thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01-3/TBVMT tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính trong trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả số thuế bảo vệ môi trường đã nộp đối với lượng xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật.

2. Kết quả giải quyết:

+ Trường hợp khai thuế bảo vệ môi trường: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

+ Trường hợp người nộp thuế có đề nghị hoàn thuế bảo vệ môi trường đã nộp đối với lượng xăng, dầu bán cho phương tiện vận tải của hãng nước ngoài trên tuyến đường qua cảng Việt Nam hoặc phương tiện vận tải của Việt Nam trên tuyến đường vận tải quốc tế theo quy định của pháp luật thì cơ quan thuế giải quyết đề nghị hoàn thuế ban hành:

++ Thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

++ Thông báo về việc số tiền đề nghị hoàn không được hoàn thuế, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có);

++ Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

++ Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC;

++ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐHT và Phụ lục

				số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
43	1.008332	Khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí	Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn	1. Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí Mẫu số 03/TNDN-DK ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Bản sao hợp đồng chuyển nhượng (bản tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt); ++ Giấy xác nhận của nhà điều hành, công ty điều hành chung, các bên tham gia doanh nghiệp liên doanh, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam về tổng số chi phí mà bên chuyển nhượng gánh chịu tương ứng với giá vốn của phần quyền lợi chuyển nhượng của bên chuyển nhượng và các tài liệu chứng minh; ++ Bản sao Chứng từ gốc của các khoản chi phí liên quan đến giao dịch chuyển nhượng; ++ Đối với trường hợp chuyển nhượng làm thay đổi chủ sở hữu của nhà thầu đang nắm giữ quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí tại Việt Nam, nhà thầu nước ngoài tham gia trực tiếp vào hợp đồng dầu khí tại Việt Nam có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thêm các tài liệu sau: +++ Cơ cấu cổ phần của công ty trước và sau khi chuyển nhượng.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				+++ Báo cáo tài chính 02 năm của doanh nghiệp nước ngoài và các công ty con/chi nhánh nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí tại Việt Nam. +++ Báo cáo đánh giá tài sản và các tài liệu định giá khác sử dụng để xác định giá trị chuyển nhượng của cổ phiếu, vốn đầu tư ở nước ngoài theo hợp đồng. +++ Báo cáo tình hình nộp thuế thu nhập của doanh nghiệp nước ngoài liên quan đến việc chuyển nhượng làm thay đổi chủ sở hữu của nhà thầu đang nắm giữ quyền lợi tham gia trong hợp đồng dầu khí tại Việt Nam. +++ Báo cáo mối quan hệ giữa doanh nghiệp nước ngoài chuyển nhượng và các chi nhánh/công ty con nắm giữ trực tiếp hay gián tiếp quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí tại Việt Nam về: vốn góp, hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu, chi phí, các tài khoản, tài sản, nhân sự 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
44	1.008525	Khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp mẫu số 01/QT-LNCL ban hành kèm theo Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				+ Phụ lục bảng phân bổ số lợi nhuận sau thuế còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho các địa phương được hưởng nguồn thu đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán theo mẫu 01-1/QT-LNCN (áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xổ số điện toán) ban hành kèm theo Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
45	1.008526	Khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/Chi cục thuế thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn nhà nước Mẫu số 01/CTLNDC ban hành kèm theo Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính)	
46	1.008554	Khai thuế và các khoản thu khác đối với hoạt động dầu khí và bán dầu khí (áp dụng cho liên doanh Việt - Nga Vietsopetro)	Thuế tỉnh, thành phố/ Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn	1. Thành phần hồ sơ: ++ Trường hợp khai thuế và phụ thu phát sinh trong năm +++ Tờ khai thuế và phụ thu phát sinh trong năm Mẫu số 01/TK-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Trường hợp khai quyết toán thuế và phụ thu +++ Tờ khai quyết toán thuế và phụ thu Mẫu số 02/TK-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính; +++ Phụ lục sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí Mẫu số 01/PL-DK ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính; +++ Báo cáo tài chính năm hoặc tại thời điểm kết thúc Hiệp định Liên Chính phủ theo Chế độ kế toán áp dụng tại Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro. ++ Trường hợp khai phụ thu, thuế thu nhập doanh nghiệp từ tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại phát sinh trong năm +++ Tờ khai phụ thu, thuế thu nhập doanh nghiệp Mẫu số 01/KD-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai quyết toán phụ thu, thuế thu nhập doanh nghiệp từ tiền kết dư của phần dầu, condensate, khí để lại +++ Tờ khai quyết toán phụ thu, thuế thu nhập doanh nghiệp Mẫu số 02/KD-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà phát sinh trong năm		
--	--	--	--	---	--	--

				+++ Tờ khai tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà Mẫu số 01/LNCN-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà +++ Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà Mẫu số 02/LNCN-VSP ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính; +++ Phụ lục phân chia tiền dầu, khí xuất bán Mẫu số 02/PL-DK ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
47	1.010995	Khai thuế và các khoản thu khác đối với hoạt động dầu khí và bán dầu khí (áp dụng cho các hợp đồng dầu khí)	Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn	1 Thành phần hồ sơ: ++ Trường hợp khai thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên đối với dầu khí phát sinh trong năm. +++ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên đối với dầu khí Mẫu số 01/TK-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. +++ Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí Mẫu số 01/PL-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai quyết toán thuế thu nhập doanh	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				nghiệp đối với dầu khí +++ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí Mẫu số 02/INDN-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. +++ Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí Mẫu số 01/PL-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. +++ Báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính đến thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí; Báo cáo thu hồi chi phí, báo cáo Dầu Lãi và Khí Lãi, báo cáo định giá sản phẩm, báo cáo dầu thuế tài nguyên và khí thuế tài nguyên theo năm hoặc tại thời điểm kết thúc hợp đồng dầu khí theo pháp luật dầu khí và hợp đồng dầu khí. ++ Trường hợp khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí +++ Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí Mẫu số 02/TAIN-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. +++ Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí Mẫu số 01/PL-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. +++ Phụ lục sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí Mẫu số 01/PL-DK ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính.		
--	--	--	--	---	--	--

				++ Trường hợp khai phụ thu phát sinh trong năm đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng +++ Tờ khai phụ thu Mẫu số 01/PTHU-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai quyết toán phụ thu đối với phần dầu lãi được chia của nhà thầu dầu khí khi giá dầu thô biến động tăng +++ Tờ khai phụ thu Mẫu số 02/PTHU-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai tiền lãi dầu khí nước chủ nhà phát sinh trong năm +++ Tờ khai đối với tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà Mẫu số 01/LNCN-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. ++ Trường hợp khai quyết toán tiền lãi dầu khí nước chủ nhà +++ Tờ khai đối với tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà Mẫu số 02/LNCN-PSC ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. +++ Phụ lục phân chia tiền dầu, khí xuất bán Mẫu số 02/PL-DK ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính.		
--	--	--	--	--	--	--

				++ Trường hợp khai các khoản thu từng lần phát sinh thuộc nước chủ nhà +++ Tờ khai các khoản thu từng lần phát sinh thuộc nước chủ nhà Mẫu số 01/TNS-DK ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
48	1.010998	Khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu	Chi cục Thuế DNL	1. Thành phần hồ sơ: ++ Hồ sơ khai quý: Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu theo mẫu số 01/PHLPNG ban hành kèm theo Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. ++ Hồ sơ khai quyết toán năm gồm: +++ Tờ khai quyết toán năm phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu theo mẫu số 02/PHLPNG ban hành kèm theo Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. +++ Bảng kê phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp theo từng cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính)	

				Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu theo mẫu số 02-1/PHLPNG ban hành kèm theo Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
49	1.011520	Khai, nộp vào ngân sách nhà nước tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn	1. Thành phần hồ sơ: + Trường hợp thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập: Tờ khai 01/CPH ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC. + Trường hợp quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập: Tờ khai 02/QT-CPH ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC. + Trường hợp số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Tờ khai 01/CNV ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC. + Trường hợp quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Tờ khai 02/QT-CNV ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC. + Trường hợp quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác: Tờ khai 02/QT-SXCDK ban hành	Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2026 của Bộ Tài chính	

				kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC. + Trường hợp thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp: Tờ khai 01/CLVCSH-VDL ban hành kèm theo Thông tư số 57/2022/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
50	1.008572	Khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại, chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài làm tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam	Thuế tỉnh, thành phố	1. Thành phần hồ sơ: ++ Văn bản đề nghị miễn (giảm) thuế theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; ++ Văn bản xác nhận danh sách các cá nhân thuộc diện được miễn thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 01-1/MGTH Phụ lục III ban hành kèm Thông tư số 89/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; ++ Các tài liệu liên quan từng trường hợp như sau: +++ <i>Trường hợp miễn thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại:</i> Bản sao Điều ước quốc tế cụ thể hoặc thỏa thuận cụ thể về vốn ODA không hoàn lại hoặc bản sao Văn bản trao đổi về dự án ODA không hoàn lại (thư cam kết, ý định thư, biên bản thảo luận, biên bản ghi nhớ) của nhà tài trợ nước ngoài; bản sao Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án hoặc Quyết định đầu tư chương trình; bản sao Văn	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

kiện dự án hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; Bản sao các tài liệu liên quan đến thu nhập được miễn thuế của chuyên gia gồm: Hợp đồng lao động, chứng từ chi trả thu nhập (nếu có).

+++ Trường hợp miễn thuế thu nhập cá nhân của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam: Bản sao Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án hoặc Quyết định đầu tư kèm theo Văn kiện, dự án, phi dự án theo quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; Bản sao Hợp đồng lao động ký giữa chuyên gia nước ngoài với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoặc với Cơ quan chủ quản hoặc với Chủ khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

+++ Trường hợp hồ sơ miễn thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam gồm: Bản sao Hợp đồng lao động.

+ Đối với các trường hợp chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại và chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam kết thúc thời gian làm việc tại Việt Nam trong năm hoặc trường hợp cá nhân là người

Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam chấm dứt hợp đồng lao động đối với nhân viên Việt Nam, hồ sơ bao gồm:

++ Văn bản đề nghị miễn (giảm) theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính;

++ Văn bản thay đổi theo mẫu số 01-1/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

++ Bản sao các tài liệu liên quan đến việc kết thúc thời gian làm việc của chuyên gia (nếu có) hoặc các tài liệu liên quan (nếu có).

2. Kết quả giải quyết:

Cơ quan thuế ban hành Thông báo kết quả theo Mẫu số 03-2/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC đối với trường hợp khai miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại, chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài làm tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam.

Đối với các trường hợp thông báo cho cơ quan thuế về việc chuyên gia kết thúc thời gian làm việc tại Việt Nam trong

				năm hoặc cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam chấm dứt hợp đồng lao động: Cơ quan thuế không phải trả kết quả.		
51	1.007721	Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với trường hợp cơ quan thuế quyết định miễn, giảm	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: ++ Đối với trường hợp miễn, giảm thuế tài nguyên do thiên tai, hỏa hoạn gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai nộp thuế, hồ sơ gồm: +++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; +++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC và bản sao tài liệu xác định giá trị thiệt hại của người nộp thuế đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. ++ Đối với trường hợp miễn thuế, giảm thuế tài nguyên do tai nạn bất ngờ gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai nộp thuế, hồ sơ gồm: +++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; +++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn bất ngờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn bất ngờ theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; +++ Bản sao văn bản xác định việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm hoặc thỏa thuận bồi thường của người gây tai nạn (nếu có); +++ Bản sao các chứng từ chi liên quan trực tiếp đến việc khắc phục tai nạn. 2. Kết quả giải quyết: + Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC. + Thông báo không được miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 04/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
52	1.008568	Miễn tiền thuê đất một số năm, giảm tiền thuê đất trong trường hợp cơ quan thuế thông báo, quyết định miễn, giảm tiền thuê đất	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: ++ Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn các tỉnh và các địa bàn có địa giới hành chính thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP, bao gồm: +++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				+++ Bản sao văn bản của tổ chức, đơn vị thông tin về: tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số, số lao động là người dân tộc thiểu số bình quân năm và số lao động có mặt làm việc thường xuyên bình quân năm theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP. Tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp nêu trên; +++ Bản sao: Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc văn bản về việc cho thuê đất của cơ quan, người có thẩm quyền cho thuê đất. ++ Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người khuyết tật được nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP, bao gồm: +++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; +++ Bản sao Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính		
--	--	--	--	---	--	--

thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc bản sao văn bản của tổ chức, đơn vị thông tin về tỷ lệ (%) sử dụng lao động là người khuyết tật của năm trước liền kề năm phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP.

Tổ chức, đơn vị có sử dụng lao động là người khuyết tật chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp nêu trên;

+++ Bản sao: Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc văn bản về việc cho thuê đất của cơ quan, người có thẩm quyền cho thuê đất.

++ Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ, bao gồm:

+++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

+++ Bản sao: Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc văn bản về việc cho thuê đất của cơ quan, người có thẩm quyền cho thuê đất;

+++ Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất.

Từ ngày 01/7/2026 đến thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư số 89/2026/TT-BTC thì mẫu số 01/MGTH thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày

				29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (đã được sửa đổi tại Thông tư 40/2025/TT-BTC và Thông tư 94/2025/TT-BTC). 2. Kết quả giải quyết: + Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Thông báo không được miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 04/MGTH tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
53	1.008583	Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với trường hợp NNT tự xác định số thuế được miễn, giảm	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: ++ Thành phần hồ sơ đối với cá nhân được phép khai thác canh, ngọn, củi, tre, trúc, nứa, mai, giang, tranh, vầu, lồ ô phục vụ sinh hoạt gồm: +++ Văn bản đề nghị miễn thuế theo mẫu số 06/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính. ++ Thành phần hồ sơ đối với hộ gia đình, cá nhân khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện của hộ gia đình, cá nhân tự sản xuất phục vụ sinh hoạt gồm: +++ Văn bản đề nghị miễn thuế theo mẫu số 06/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; +++ Bản sao Văn bản giải trình về thiết bị sản xuất thủy	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				điện phục vụ cho sinh hoạt gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. ++ Thành phần hồ sơ đối với đất khai thác và sử dụng tại chỗ trên diện tích đất được giao, được thuê; đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, đề điều: tổ chức, cá nhân được giao, được thuê đất tự khai thác hoặc đơn vị nhận thầu thi công nộp hồ sơ miễn thuế gồm: +++ Văn bản đề nghị miễn thuế theo mẫu số 06/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; +++ Bản sao hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về việc xây dựng công trình tại địa phương của chủ đầu tư, về xây dựng công trình an ninh, quân sự, đề điều; +++ Bản sao Văn bản giao thầu ký với chủ đầu tư đối với trường hợp đơn vị nhận thầu thi công nộp hồ sơ miễn thuế thay cho chủ đầu tư. ++ Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động khai thác hải sản tự nhiên, nước thiên nhiên phục vụ sinh hoạt thuộc diện miễn thuế tài nguyên thì không phải nộp hồ sơ miễn thuế tài nguyên. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
--	--	--	--	---	--	--

54	1.008584	Miễn, giảm trong các trường hợp bất khả kháng, thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ (tiền thuê đất; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thuế tiêu thụ đặc biệt)	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: (i) Miễn, giảm tiền thuê đất + Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hỏa hoạn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024: ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính và bản sao tài liệu xác định giá trị thiệt hại của người nộp thuế đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ++ Bản sao tài liệu chứng minh về các khoản hỗ trợ của nhà nước theo quy định của pháp luật (trong trường hợp người thuê đất có nhận được khoản hỗ trợ của nhà nước theo quy định của pháp luật); ++ Bản sao: Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc văn bản về cho thuê	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
----	----------	---	----------------------------------	---	---	--

				đất của cơ quan, người có thẩm quyền cho thuê đất. + Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh (trừ dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối) nhưng phải tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc do tai nạn bất khả kháng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP: ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao văn bản xác nhận về thời gian tạm ngừng hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP; ++ Bản sao: Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất hoặc văn bản về sử dụng đất của cơ quan, người có thẩm quyền cho thuê đất. (ii) Miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp + Đối với trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn do gặp thiên tai, hỏa hoạn: ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra thiên	
--	--	--	--	--	--

				tai, hỏa hoạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính và bản sao tài liệu xác định giá trị thiệt hại của người nộp thuế đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. + Đối với trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ: ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn bất ngờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn bất ngờ theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính hoặc bản sao văn bản xác nhận mức độ thương tật của cơ quan y tế; ++ Bản sao văn bản xác định việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm hoặc thỏa thuận bồi thường của người gây tai nạn (nếu có); ++ Bản sao các chứng từ chi liên quan trực tiếp đến việc khắc phục tai nạn. (iii) Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm	
--	--	--	--	--	--

theo phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính và bản sao tài liệu xác định giá trị thiệt hại của người nộp thuế đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

++ Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế như: Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo hồ sơ miễn thuế, giảm thuế. Cơ quan thuế khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

(iv) Giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Đối với người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai:

++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;

++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra thiên tai

				theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính và bản sao tài liệu xác định giá trị thiệt hại của người nộp thuế đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; + Đối với người nộp thuế gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ: ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn bất ngờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn bất ngờ theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản xác nhận mức độ thương tật của cơ quan y tế; ++ Bản sao văn bản xác định việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm hoặc thỏa thuận bồi thường của người gây tai nạn (nếu có); ++ Bản sao các chứng từ chi liên quan trực tiếp đến việc khắc phục tai nạn. Từ ngày 01/7/2026 đến thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư số 89/2026/TT-BTC thì mẫu số 01/MGTH và 02/MGTH thực hiện theo các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung). 2. Kết quả giải quyết:		
--	--	--	--	--	--	--

				+ Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; + Thông báo không được miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 04/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.		
55	1.008573	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với cá nhân	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 03-1/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
56	1.008578	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với nhà thầu nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (trừ thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế và thu nhập từ tài bảo hiểm nước ngoài)	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 03-1/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
57	1.008579	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định thuế đối với thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

			ngành lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	Mẫu số 03-1/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC		
58	1.008581	Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với thu nhập từ tái bảo hiểm nước ngoài	Thuế tinh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh ngành lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 03-1/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ- BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
59	1.008585	Miễn thuế, giảm thuế theo Điều ước quốc tế không phải là Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Thuế tinh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh ngành lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 01/DUQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 03-1/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ- BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
60	3.000088	Miễn tiền chậm nộp	Thuế tinh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế doanh ngành lớn/ Chi cục thuế thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế theo mẫu số 01/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ; + Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp phải có thêm các tài liệu sau: (i) Trường hợp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ:	Quyết định số 1934/QĐ- BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực tài liệu xác nhận về thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của cơ quan có thẩm quyền; ++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác định giá trị thiệt hại vật chất của cơ quan tài chính hoặc cơ quan giám định độc lập; ++ Bản sao văn bản quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có); bản sao các chứng từ liên quan đến việc bồi thường thiệt hại (nếu có). (ii) Trường hợp bất khả kháng khác theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ: ++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác định giá trị thiệt hại vật chất của cơ quan tài chính hoặc cơ quan giám định độc lập xác định mức độ, giá trị thiệt hại đối với trường hợp do chiến tranh, bạo loạn, đình công mà người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh; ++ Bản sao tài liệu chứng minh rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế mà người nộp thuế không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp người nộp thuế gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế; bản sao các chứng từ liên quan đến việc	
--	--	--	--	---	--

				bồi thường thiệt hại của cơ quan bảo hiểm (nếu có). 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo không chấp thuận miễn tiền chậm nộp theo mẫu số 03/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ; + Quyết định miễn tiền chậm nộp theo mẫu số 02/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;		
61	3.000083	Giảm thuế thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và cá nhân khác gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn: ++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026; ++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 và bản sao tài liệu xác định giá trị thiệt hại của người nộp thuế đã gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ++ Bản sao Giấy tờ xác định việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm hoặc thỏa thuận bồi thường của người gây hỏa hoạn (nếu có);	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

++ Bản sao các chứng từ chi liên quan trực tiếp đến việc khắc phục thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn (nếu có);

++ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/QTT-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 (nếu người nộp thuế chưa nộp hồ sơ quyết toán thuế của kỳ đề nghị giảm thuế);

++ Tờ khai thuế theo mẫu số 01/TKN-CNKD hoặc Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 (nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa nộp Tờ khai thuế năm hoặc hồ sơ quyết toán thuế của kỳ đề nghị giảm thuế).

(ii) Trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn do bị tai nạn:

++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026;

++ Bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra tai nạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn theo mẫu số 02/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 hoặc văn bản xác nhận mức độ thương tật của cơ quan y tế;

++ Bản sao giấy tờ xác định việc bồi thường của cơ quan bảo hiểm hoặc thỏa thuận bồi

thường của người gây tai nạn (nếu có);

++ Bản sao điện tử chứng từ chi liên quan trực tiếp đến việc khắc phục tai nạn;

++ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/QTT-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 (nếu người nộp thuế chưa nộp hồ sơ quyết toán thuế của kỳ đề nghị giảm thuế);

++ Tờ khai thuế theo mẫu số 01/TKN-CNKD hoặc Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 (nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa nộp Tờ khai thuế năm hoặc hồ sơ quyết toán thuế của kỳ đề nghị giảm thuế).

(iii) Trường hợp người nộp thuế mắc bệnh hiểm nghèo:

++ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026;

++ Bản sao hồ sơ bệnh án hoặc bản tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc sổ khám bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

++ Bản sao chứng từ chứng minh chi phí khám chữa bệnh do cơ quan y tế cấp hoặc hóa đơn mua thuốc chữa bệnh kèm theo đơn thuốc của bác sĩ;

++ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/QTT-TNCN Phụ lục I ban

				hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 (nếu người nộp thuế chưa nộp hồ sơ quyết toán thuế của kỳ đề nghị giảm thuế); ++ Tờ khai thuế theo mẫu số 01/TKN-CNKD hoặc Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 (nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chưa nộp Tờ khai thuế năm hoặc hồ sơ quyết toán thuế của kỳ đề nghị giảm thuế). 2. Kết quả giải quyết: + Quyết định giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính. + Thông báo cho người nộp thuế không thuộc diện được giảm thuế theo mẫu số 04/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.		
62	1.008558	Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại và nguồn vốn viện trợ không hoàn lại	Thuế tỉnh, thành phố	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp hoàn thuế thuộc chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại: - Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN theo mẫu số 01/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; - Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/HT ban hành kèm	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				theo Phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC. - Hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 90 Nghị định số 242/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, điểm c khoản 41 Điều 1 Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; - Bản sao văn bản xác nhận của cơ quan chủ quản chương trình, dự án ODA cho chủ chương trình, dự án về hình thức cung cấp chương trình, dự án ODA là ODA không hoàn lại thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế giá trị gia tăng; - Trường hợp chủ chương trình, dự án giao một phần hoặc toàn bộ chương trình, dự án cho đơn vị, tổ chức khác quản lý, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA không hoàn lại nhưng nội dung này chưa được nêu trong các tài liệu quy định tại điểm d.2 và điểm d.3 khoản 1 Điều 46 Thông tư số 89/2026/TT-BTC thì phải có thêm bản sao văn bản về việc giao quản lý, thực hiện chương trình, dự án ODA không hoàn lại của chủ chương trình, dự án cho đơn vị, tổ chức đề nghị hoàn thuế; - Trường hợp nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế thì phải có thêm bản sao hợp đồng ký kết giữa chủ dự án với nhà thầu chính thể hiện giá thanh toán	
--	--	--	--	--	--

theo kết quả thầu không bao gồm thuế giá trị gia tăng;

- Trường hợp nhà tài trợ chỉ định Văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án nhưng nội dung này chưa được nêu trong các tài liệu quy định tại điểm d.2 khoản 1 Điều 46 Thông tư số 89/2026/TT-BTC thì phải có thêm bản sao văn bản về việc giao quản lý, thực hiện chương trình, dự án ODA không hoàn lại của nhà tài trợ cho Văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức do nhà tài trợ chỉ định và bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập Văn phòng đại diện của nhà tài trợ, tổ chức do nhà tài trợ chỉ định;

- Trường hợp nhà tài trợ chỉ định Văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án nhưng nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế phải có thêm bản sao hợp đồng ký kết giữa nhà tài trợ với nhà thầu chính hoặc bản sao bản tóm tắt hợp đồng có xác nhận của nhà tài trợ về hợp đồng ký kết giữa nhà tài trợ với nhà thầu chính bao gồm các thông tin: số hợp đồng, ngày ký kết hợp đồng, thời hạn hợp đồng, phạm vi công việc, giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán, giá thanh toán theo kết quả thầu không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

(ii) Trường hợp hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ không hoàn lại không thuộc hồ trợ phát triển chính thức:

				- Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC; - Hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; - Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-1/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC. (iii) Trường hợp hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam: - Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC; - Bản sao Quyết định tiếp nhận viện trợ khẩn cấp để cứu trợ (trường hợp viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ) hoặc Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai và văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai (trường hợp viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai) theo quy định tại các khoản 6, 7 và khoản 8 Điều 3 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP của Chính	
--	--	--	--	---	--

				phù quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; - Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-1/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC. Người nộp thuế chỉ phải nộp các giấy tờ quy định tại điểm e.2 khoản 1 Điều 46 Thông tư số 89/2026/TT-BTC đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế lần đầu hoặc khi có thay đổi, bổ sung. 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐHT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
63	1.008559	Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp được hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao, điều ước quốc tế và quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Thuế tỉnh, thành phố	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp hoàn thuế ưu đãi miễn trừ ngoại giao: + Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC;	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				+ Bảng kê thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho cơ quan đại diện ngoại giao theo mẫu số 01-3a/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC có xác nhận của Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại trực thuộc Bộ Ngoại giao xác nhận về chi phí đầu vào thuộc diện áp dụng miễn trừ ngoại giao để được hoàn thuế; + Bảng kê viên chức ngoại giao thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01-3b/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC có xác nhận của Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại trực thuộc Bộ Ngoại giao. (ii) Trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo Điều ước quốc tế: + Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-1/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bản sao Điều ước quốc tế. (iii) Trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật: + Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT Phụ lục III	
--	--	--	--	--	--

				ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Bản sao Quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐHT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐHT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
64	1.008565	Bù trừ, hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ CCT DNL/CC T TMDT	1. Thành phần hồ sơ: - Trường hợp bù trừ: Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa mẫu số 01/DNXLNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; - Trường hợp hoàn thuế + Hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT ban hành kèm theo phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Hồ sơ hoàn trả tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức, cá nhân theo Hiệp định tránh	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

			đánh thuế hai lần và hoàn trả tiền thuế, khoản thu khác theo Điều ước quốc tế khác: ++ Văn bản đề nghị hoàn trả tiền thuế nộp thừa theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác theo mẫu số 02/HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC. ++ Văn bản điện tử hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính của Văn bản ủy quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài (hoặc tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc đối tượng được miễn thuế) ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam thực hiện các thủ tục đề nghị hoàn trả tiền thuế nộp thừa. Trường hợp tổ chức, cá nhân lập Văn bản ủy quyền để ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục hoàn trả tiền thuế nộp thừa vào tài khoản của đối tượng khác cần thực hiện thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự (nếu việc ủy quyền được thực hiện ở nước ngoài) hoặc công chứng (nếu việc ủy quyền được thực hiện tại Việt Nam) theo quy định; + Tài liệu liên quan đến hồ sơ hoàn trả tiền thuế nộp thừa ++ Đối với trường hợp hoàn trả tiền thuế nộp thừa theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: +++ Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc từ bản chính có chứng thực của các thành phần hồ sơ trong hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần;		
--	--	--	---	--	--

+++ Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc từ bản chính có chứng thực của văn bản xác nhận của tổ chức, cá nhân Việt Nam ký kết hợp đồng về thời gian và tình hình hoạt động thực tế theo hợp đồng (trừ trường hợp hoàn thuế đối với hàng vận tải nước ngoài).

++ Đối với trường hợp hoàn trả tiền thuế theo Điều ước quốc tế khác:

Bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc từ bản chính có chứng thực của các thành phần hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Điều ước quốc tế khác quy định tại Điều 81 Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

+ Hồ sơ hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự:

++ Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

++ Bản sao Di chúc hoặc Bản án của Tòa án hoặc Bản phân chia tài sản thừa kế của cơ quan có thẩm quyền;

++ Giấy ủy quyền trong trường hợp có nhiều người cùng thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự.

+ Hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa đối với doanh nghiệp, tổ chức khi giải thể, phá sản:

++ Trường hợp không thuộc diện kiểm tra tại trụ sở của

người nộp thuế: Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC đến cơ quan thuế.

÷ Hồ sơ hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác (bao gồm cả hoàn nộp nhầm): văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/DNXLNT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

2. Kết quả giải quyết:

- **Trường hợp bù trừ:**
Thông báo về việc xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa mẫu số 01/TB-XLBT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.

- **Trường hợp hoàn thuế:**
+ Trường hợp bù trừ các loại thuế, các khoản thu khác: Thông báo về việc xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 01/TB-XLBT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC.

+ Trường hợp hoàn nộp thừa các loại thuế, các khoản thu khác:

+ Thông báo về việc số tiền đề nghị hoàn không được hoàn thuế, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có);

				+ Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC (nếu có); + Quyết định hoàn thuế mẫu số 01/QĐ-HT ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC; + Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/QĐ-HT và Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
65	1.011018	Hoàn thuế giá trị gia tăng đối với ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách xuất cảnh	Thuế tỉnh, thành phố	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC; + Bảng kê chứng từ hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh mẫu số 01-4/HT ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo về việc hồ sơ chưa đủ điều kiện hoàn thuế/không được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC. + Quyết định về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng theo mẫu 02/QĐHT	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
66	1.008563	Hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 02/HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: + Mẫu số 02/QĐ-HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Mẫu số 01/QĐ-HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Mẫu số 01/PL-BT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC + Mẫu số 04/TB-HT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
67	1.008327	Khai bổ sung hồ sơ khai thuế, giải trình hồ sơ khai thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i.1) Đối với NNT là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (trừ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã khai thuế theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung): ++ Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ++ Bản giải trình khai bổ sung mẫu số 01-1/KHBS ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ++ Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót đã được bổ sung theo mẫu ban hành tại từng thời kỳ văn bản có hiệu lực;	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Chứng từ, tài liệu có liên quan (nếu có). (i.2) Đối với NNT là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã khai thuế theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung: Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót đã được bổ sung theo mẫu ban hành tại từng thời kỳ văn bản có hiệu lực. (ii) Trường hợp giải trình hồ sơ khai thuế: ++ Văn bản giải trình mẫu số 01/VBGT ban hành kèm theo Thông tư 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ++ Hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót đã được bổ sung theo mẫu ban hành tại từng thời kỳ văn bản có hiệu lực; ++ Chứng từ, tài liệu có liên quan (nếu có). 2. Kết quả giải quyết: (i) Trường hợp khai bổ sung: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết. (ii) Trường hợp giải trình hồ sơ khai thuế: Thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ giải trình của người nộp thuế.		
68	1.008513	Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: ++ Văn bản đề nghị gia hạn nộp hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				sinh trường hợp được gia hạn nộp hồ sơ khai thuế 2. Kết quả giải quyết: Thông báo của cơ quan thuế về việc chấp nhận/không chấp nhận gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.		
69	1.008590	Gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp gia hạn nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế + Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế của người nộp thuế theo mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế phải có thêm các tài liệu sau: ++ Trường hợp do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ: +++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực tài liệu xác nhận về thời gian, địa điểm xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của cơ quan có thẩm quyền; +++ Bản sao văn bản quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường thiệt hại (nếu có); bản sao các chứng từ liên quan đến việc bồi thường thiệt hại (nếu có). ++ Trường hợp bất khả kháng khác theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 252/2026/NĐ-CP, hồ sơ bao gồm: +++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực tài liệu xác nhận về	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

thời gian, địa điểm xảy ra trường hợp bất khả kháng của cơ quan có thẩm quyền; bản sao tài liệu chứng minh người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp do chiến tranh, bạo loạn, đình công mà người nộp thuế phải ngừng, nghỉ sản xuất, kinh doanh;

+++Bản sao tài liệu chứng minh việc gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế và người nộp thuế không có khả năng nguồn tài chính nộp ngân sách nhà nước đối với trường hợp bị thiệt hại do gặp rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người nộp thuế; bản sao các chứng từ liên quan đến việc bồi thường thiệt hại của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

++ Trường hợp di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh theo quy định Luật Quản lý thuế:

+++ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với người nộp thuế;

+++ Bản sao đề án hoặc phương án di dời, trong đó thể hiện rõ kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế.

2. Kết quả giải quyết:

+ Trường hợp không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế: Thông báo không chấp thuận gia hạn nộp thuế theo mẫu số 03/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC

				ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Trường hợp thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế: Quyết định gia hạn nộp thuế theo mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính		
70	1.008589	Không tính tiền chậm nộp	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị không tính tiền chậm nộp theo mẫu số 01/KTCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản có xác nhận của đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 02/KTCN Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Bản sao hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ ký với chủ đầu tư 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo không chấp thuận không tính tiền chậm nộp theo mẫu số 04/KTCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính +c Thông báo chấp thuận không tính tiền chậm nộp theo mẫu số 05/KTCN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

71	1.008588	Nộp dẫn tiền thuế nợ	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị nộp dẫn tiền thuế nợ của người nộp thuế theo mẫu số 01/NDAN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Bản chính hoặc bản sao có chứng thực thư bảo lãnh theo đúng quy định của pháp luật về bảo lãnh và bắt buộc phải có nội dung cam kết về việc bên bảo lãnh sẽ thực hiện nộp thay cho người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế không thực hiện đúng thời hạn nộp dẫn tiền thuế nợ; 2. Kết quả giải quyết: + Thông báo không chấp thuận việc nộp dẫn tiền thuế nợ theo mẫu số 03/NDAN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính + Quyết định về việc nộp dẫn tiền thuế nợ theo mẫu số 04/NDAN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính
72	1.008345	Tra soát, điều chỉnh thông tin thu, nộp ngân sách nhà nước	Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế thương mại điện tử/ Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị tra soát theo mẫu số 01/TS; + Tài liệu chứng minh (nếu có): Bản sao chứng từ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế hoặc bản sao các quyết định, thông báo, chứng từ có liên quan. 2. Kết quả giải quyết:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính

				Thông báo về việc điều chỉnh/không điều chỉnh thông tin đề nghị tra soát mẫu 01/TB-TS ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.		
73	1.008567	Thủ tục đăng ký điều chỉnh, chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng	Thuế tỉnh, thành phố	1. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp đăng ký, điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế: ++ Công văn đăng ký, điều chỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 Thông tư 84/2026/TT-BTC; ++ Hợp đồng bán hàng đại lý ký giữa doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế với cửa hàng nhận bán hàng đại lý cho doanh nghiệp (đối với trường hợp là cửa hàng đại lý bán hàng cho doanh nghiệp) (ii) Trường hợp chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế: ++ Văn bản xin/yêu cầu chấm dứt vai trò doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng 2. Kết quả giải quyết: (i) Trường hợp đăng ký, điều chỉnh việc bán hàng hoàn thuế: Công văn của cơ quan thuế công nhận việc đăng ký, điều chỉnh bán hàng hoàn thuế. (ii) Trường hợp chấm dứt việc bán hàng hoàn thuế: Văn bản gửi doanh nghiệp, cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại thông báo về việc chấm dứt bán hàng hoàn thuế đối với doanh nghiệp.	Quyết định số 1767/QĐ-BTC ngày 02/7/2026 của Bộ Tài chính	
74	1.008591	Thủ tục xác nhận thực hiện nghĩa vụ nộp thuế	Thuế tỉnh, thành phố/	1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với ngân sách nhà nước theo	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày	

			Thuế Cơ sở/Chi cục thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	mẫu số 01/ĐNXN ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Thông báo xác nhận/không xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/TB-XNNV ban hành kèm theo Thông tư số 89/2029/TT-BTC.	20/7/2026 của Bộ Tài chính	
75	1.010949	Thay đổi kỳ tính thuế giá trị gia tăng từ tháng sang quý	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý mẫu số 01/ĐK-TĐKTT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
76	1.011013	Xử lý không hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đối với trường hợp người nộp thuế từ chối nhận lại số tiền nộp thừa	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở/ CCT DNL/CC T TMBT	1. Thành phần hồ sơ: Văn bản từ chối nhận lại số tiền nộp thừa theo mẫu số 01/ĐNKHT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Thông báo về việc chấp nhận/ không chấp nhận đề nghị không hoàn trả số tiền nộp thừa theo mẫu số 01/TB-KHTNT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2029/TT-BTC.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
77	1.008593	Thông báo về phương pháp trích khấu hao TSCĐ/ Thông báo về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế	1. Thành phần hồ sơ: - Thông báo phương pháp trích khấu hao tài sản cố định - Thông báo chuyển lợi nhuận ra nước ngoài ban hành kèm theo Thông tư số 186/2010/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết:	Quyết định số 4472/QĐ-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ Tài chính	

			Thương mại điện tử	Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.		
78	1.008543	Khấu trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 02/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
79	1.008544	Xác nhận đối tượng cư trú thuế của Việt Nam	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 06/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 07/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
80	1.008587	Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với đối tượng cư trú của nước ngoài	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế cơ sở/Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: Mẫu số 03/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 04/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC Mẫu số 05/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

81	1.007607	Chấm dứt hiệu lực mã số thuế	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế Cơ sở/ Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn/ Chi cục Thuế Thương mại điện tử	1. Thành phần hồ sơ: (i) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với tổ chức kinh tế, tổ chức khác và đơn vị phụ thuộc (trừ trường hợp đăng ký thuế theo cơ chế một cửa liên thông qua cơ quan đăng ký kinh doanh): + Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC + Bản sao quyết định giải thể, bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập, bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, bản sao thông báo chấm dứt hoạt động, bản sao quyết định chuyển đổi. (ii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất; Chấm dứt hoạt động đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã. + Đối với doanh nghiệp và hợp tác xã bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất, gồm: ++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC ++ Bản sao quyết định chia, bản sao hợp đồng hợp nhất, bản sao hợp đồng sáp nhập. + Đối với đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và hợp tác xã, gồm: ++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số	Quyết định số 1933/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính
----	----------	------------------------------	--	---	--

				24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC ++ Bản sao quyết định hoặc thông báo của doanh nghiệp, hợp tác xã về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; bản sao quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. (iii) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài, người điều hành, doanh nghiệp liên doanh, tổ chức được Chính phủ Việt Nam giao nhiệm vụ tiếp nhận phần được chia của Việt Nam thuộc các mỏ dầu khí tại vùng chồng lấn, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đại diện nước chủ nhà nhận phần lãi được chia từ các hợp đồng dầu khí. + Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC + Bản sao bản thanh lý hợp đồng, hoặc bản sao văn bản xác nhận việc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng dầu khí, hoặc bản sao văn bản về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tham gia hợp đồng dầu khí đối với nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí, tài liệu chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.. (iv) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất	
--	--	--	--	---	--

kinh doanh do chấm dứt hoạt động kinh doanh; chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh.

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC

+ Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh ngoài địa điểm đăng ký trụ sở: thông báo về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh mẫu số 01/TB-ĐĐKD ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.

(v) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với trường hợp số định danh cá nhân bị hủy theo quy định của pháp luật về căn cước:

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 03-ĐKT hoặc mẫu số 05-ĐKT có thông tin “Số định danh cá nhân đã cấp trước đó (trong trường hợp cá nhân được xác lập lại số định danh cá nhân)”

2. Kết quả giải quyết:

+ Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC

+ Thông báo về việc người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ <giải thể/chấm dứt hoạt động> đến cơ quan <đăng ký kinh doanh/đăng ký hợp tác xã> theo mẫu số 28/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC

				+ Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo đơn vị chủ quản gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC. + Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC + Thông báo về việc người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 90/2026/TT-BTC		
82	1.007674	Khai thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: (i) Hồ sơ khai thuế trong trường hợp cơ quan thuế tính thuế và thông báo nộp thuế theo hồ sơ khai thuế của người nộp thuế + <i>Trường hợp chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là nhà ở, nhà ở thương mại, công trình xây dựng hình thành trong tương lai, công trình xây dựng, nhà ở đã được dự án bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về nhà ở (sau đây gọi tắt là nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai), thành phần hồ sơ gồm:</i> ++ Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) mẫu số 03/BĐS-TNCN	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Kèm theo: bản sao của các giấy tờ sau:

++ Hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế;

++ Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp I, cấp II hoặc sản giao dịch của chủ dự án (đối với trường hợp chuyển nhượng);

++ Văn bản pháp lý chứng minh quyền được nhận thừa kế, quà tặng (đối với trường hợp nhận thừa kế, quà tặng);

++ Hợp đồng chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai (nếu chuyển nhượng từ lần thứ hai trở đi thì cung cấp thêm bản sao hợp đồng chuyển nhượng lần trước liền kề);

++ Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định;

++ Văn bản ủy quyền (nếu có).

+ Trường hợp ủy quyền mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung như quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự, thành phần hồ sơ gồm:

++ Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân

có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) mẫu số 03/BDS-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Kèm theo: bản sao của các giấy tờ sau:

++ Hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế;

++ Hợp đồng ủy quyền bất động sản mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung như quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự;

++ Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

+ Trường hợp chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản (bao gồm cả nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai) tại nước ngoài, thành phần hồ sơ gồm:

++ Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) mẫu số 03/BDS-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

				Kèm theo: bản sao của các giấy tờ sau: ++ Hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; ++ Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại nước ngoài (đối với trường hợp chuyển nhượng); ++ Văn bản pháp lý chứng minh quyền được nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản tại nước ngoài (đối với trường hợp nhận thừa kế, quà tặng); ++ Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định. ++ Văn bản ủy quyền (nếu có). + Các trường hợp khác, thành phần hồ sơ gồm: ++ Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản) mẫu số 03/BDS-TNCN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Kèm theo: bản sao của các giấy tờ sau: ++ Hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; ++ Giấy tờ, hồ sơ là căn cứ xác định giá trị chuyển nhượng nhà		
--	--	--	--	--	--	--

			ở; công trình xây dựng hình thành trong tương lai; ++ Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp I, cấp II hoặc sản giao dịch của chủ dự án; ++ Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định; ++ Văn bản ủy quyền, hợp đồng góp vốn, văn bản xác định bên thứ ba có liên quan được phép bán tài sản của cá nhân theo quy định của pháp luật, ... (nếu có) (ii) Hồ sơ khai thuế trong trường hợp cơ quan thuế tính thuế và thông báo nộp thuế theo hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyên đến là bản sao của các giấy tờ sau: + Hộ chiếu đối với trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam chưa đăng ký thuế; + Tài liệu xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân, đối tượng không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, đối tượng tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định. (iii) Trường hợp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân từ chuyên nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản kèm miễn thuế thu nhập cá nhân thì hồ sơ miễn	
--	--	--	---	--

thuế thu nhập cá nhân bao gồm:

+ Đối với bất động sản chuyên nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa vợ với chồng cần có một trong các giấy tờ sau: Xác nhận thông tin về cư trú hoặc bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bản sao Quyết định của Tòa án về việc ly hôn, tái hôn (đối với trường hợp chia nhà do ly hôn; hợp nhất quyền sở hữu bất động sản do tái hôn);

+ Đối với bất động sản chuyên nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ cần có một trong các giấy tờ sau: Xác nhận thông tin về cư trú hoặc bản sao Giấy khai sinh. Trường hợp con ngoài giá thú thì phải có bản sao Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con của cơ quan có thẩm quyền;

+ Đối với bất động sản chuyên nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi cần có một trong các giấy tờ sau: Xác nhận thông tin về cư trú hoặc bản sao Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi của cơ quan có thẩm quyền;

+ Đối với bất động sản chuyên nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa ông nội, bà nội với cháu nội cần có một trong các giấy tờ sau: bản sao Giấy khai sinh của cháu nội và bản sao Giấy khai sinh của bố cháu nội hoặc Xác nhận thông tin về cư trú có thể hiện mối quan hệ giữa ông nội, bà nội với cháu nội hoặc các giấy tờ khác có xác nhận của cơ quan cấp có

thâm quyền chứng minh mối quan hệ giữa ông nội, bà nội và cháu nội;

+ Đối với bất động sản chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại cần có một trong các giấy tờ sau: bản sao Giấy khai sinh của cháu ngoại và bản sao Giấy khai sinh của mẹ cháu ngoại hoặc Xác nhận thông tin về cư trú có thể hiện mối quan hệ giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại hoặc giấy tờ khác có xác nhận của cơ quan cấp có thẩm quyền chứng minh mối quan hệ giữa ông ngoại, bà ngoại và cháu ngoại;

+ Đối với bất động sản chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa anh, chị, em ruột với nhau cần có một trong các giấy tờ sau: Xác nhận thông tin về cư trú của người chuyển nhượng và của người nhận chuyển nhượng thể hiện mối quan hệ có chung cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha hoặc các giấy tờ khác có xác nhận của cơ quan cấp có thẩm quyền chứng minh có quan hệ huyết thống;

+ Đối với bất động sản chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể cần có một trong các giấy tờ sau: Xác nhận thông tin về cư trú ghi rõ mối quan hệ giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu; giữa cha vợ, mẹ vợ với con rể hoặc bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy khai sinh của chồng hoặc vợ làm căn cứ xác định mối quan hệ giữa người chuyển nhượng là cha chồng, mẹ chồng với

				con dâu hoặc cha vợ, mẹ vợ với con rể. + Ngoài giấy tờ kể trên, người chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng có thể sử dụng các giấy tờ khác có xác nhận của cơ quan cấp có thẩm quyền về mối quan hệ giữa người chuyển nhượng và người nhận chuyển nhượng, thừa kế, quà tặng làm căn cứ để xác định thu nhập được miễn thuế. Bản sao các giấy tờ đối với các trường hợp chuyển nhượng bất động sản được miễn thuế phải được công chứng hoặc chứng thực của cơ quan cấp có thẩm quyền. 2. Kết quả giải quyết: Thông báo nộp tiền về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản mẫu số 03/TB-BĐS-TNCN ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
83	1.007689	Khai thuế đối với cá nhân cho thuê bất động sản trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản theo mẫu số 01/BĐS ban hành kèm theo <i>Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC</i> và Phụ lục bảng kê chi tiết bất động sản mẫu số 01/BK-BĐS ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1272/QĐ-BTC ngày 26/5/2026 của Bộ Tài chính	

84	1.007690	Khai thuế đối với cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức; cá nhân làm đại lý bán đúng giá đối với hoạt động bảo hiểm, xổ số, bán hàng đa cấp; cá nhân thực hiện hoạt động môi giới thuộc trường hợp phải nộp thuế mà chưa được tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay trong năm	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế năm theo mẫu số 01/TKN-CNKD Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
85	1.011022	Khai thuế/Thông báo doanh thu đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ (i) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh): ++ Thông báo doanh thu/Tờ khai thuế năm theo mẫu số 01/TKN-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 ++ Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC. + Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế:	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC ++ Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC. + Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất: ++ Tờ khai theo mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 50/2026/TT-BTC ngày 13/5/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2026/TT-BTC ++ Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC ++ Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị (kèm theo hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20/4/2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng) theo mẫu 01/BK-HTK ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	
--	--	--	--	---	--

86	1.007277	Khai lệ phí trước bạ nhà, đất/ Miễn lệ phí trước bạ nhà, đất	Thuế Cơ sở	1.Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai lệ phí trước bạ theo mẫu 01/LPTB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; ++ Giấy tờ chứng minh nhà, đất có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật; ++ Bản sao Giấy tờ hợp pháp theo quy định của pháp luật về việc chuyển giao tài sản ký kết giữa bên giao tài sản và bên nhận tài sản. ++ Bản sao Giấy tờ chứng minh tài sản (hoặc chủ tài sản) thuộc diện miễn lệ phí trước bạ (nếu có); <i>(Bản sao trong hồ sơ khai lệ phí trước bạ là bản sao hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp bản sao bằng hình thức trực tiếp thì phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp cơ quan thuế đã kết nối liên thông điện tử với cơ quan có liên quan thì hồ sơ khai lệ phí trước bạ là Tờ khai lệ phí trước bạ)</i> 2. Kết quả giải quyết: Thông báo nộp lệ phí trước bạ.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
87	1.007700	Khai lệ phí trước bạ/ Miễn lệ phí trước bạ đối với tài sản khác theo quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ (trừ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc	Thuế Cơ sở	1.Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai lệ phí trước bạ theo mẫu số 02/LPTB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; ++ Bản sao Phiếu báo hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc tàu thuyền thuộc đối tượng được đăng ký sở hữu.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

		hoặc đóng mới tại Việt Nam)		2. Kết quả giải quyết: Thông báo nộp lệ phí trước bạ.		
88	1.007699	Khai lệ phí trước bạ tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển nếu thiếu hồ sơ gốc hoặc đóng mới tại Việt Nam	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: ++ Tờ khai lệ phí trước bạ theo mẫu số 02/LPTB ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC; ++ Bản sao Phiếu báo hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc tàu thuyền thuộc đối tượng được đăng ký sở hữu. 2. Kết quả giải quyết: Thông báo nộp lệ phí trước bạ.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
89	1.007695	Khai; miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp/ Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: (i) Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp + Đối với tổ chức: ++ Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp mẫu số 02/TK-SDDPNN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế: Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có); Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hồ sơ khai thuế. Cơ quan thuế khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				++ Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc diện được miễn, giảm thuế (nếu có). + Đối với hộ gia đình, cá nhân: ++ Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông theo mẫu số 01/TK-SDDPNN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Tờ khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở) theo mẫu số 03/TKTH-SDDPNN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; ++ Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế: Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có). Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hồ sơ khai thuế. Cơ quan thuế khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. ++ Bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc diện được miễn, giảm thuế (nếu có). Từ ngày 01/7/2026 đến thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư số 89/2026/TT-BTC thì các tờ khai số 01/TK-SDDPNN, 02/TK-SDDPNN thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo	
--	--	--	--	--	--

Nghị định số 373/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ, tờ khai số 03/TKTH-SDDPNN thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung).

(ii) Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

+ Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;

+ Bản sao các giấy tờ liên quan đến thửa đất chịu thuế như: Quyết định giao đất, Quyết định hoặc Hợp đồng cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Người nộp thuế không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hồ sơ miễn thuế, giảm thuế. Cơ quan thuế khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

+ Bản sao Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

+ Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế trong các trường hợp sau:

++ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp hằng năm của hộ gia đình, cá nhân từ 50.000 đồng trở xuống;

++ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất ở trong các trường hợp quy định tại khoản

				4, 5 và khoản 6 Điều 9, khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Từ ngày 01/7/2026 đến thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư số 89/2026/TT-BTC, văn bản đề nghị số 01/MGTH thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung). (iii) Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp + Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng đối với tổ chức theo mẫu số 01/SDDNN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; + Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân theo mẫu số 02/SDDNN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; + Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần theo mẫu số 03/SDDNN Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; + Bản sao các giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế (nếu có). Từ ngày 01/7/2026 đến thời điểm theo lộ trình của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 99 Thông tư số 89/2026/TT-BTC, các tờ khai số	
--	--	--	--	---	--

01/SDDNN, 02/SDDNN, 03/SDDNN thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung).

2. Kết quả giải quyết:

(i) Khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

- Đối với tổ chức:

+ Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

+ Trường hợp tổ chức đề nghị miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong hồ sơ khai thuế:

++ Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;

++ Thông báo không được miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 04/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

- Đối với hộ gia đình, cá nhân:

+ Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo mẫu số 01/TB-SDDPNN Phụ lục V ban kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;

+ Thông báo không được miễn thuế, giảm thuế mẫu số 04/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính.

(ii) Miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

				+ Quyết định miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 03/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính; + Thông báo không được miễn thuế, giảm thuế theo mẫu số 04/MGTH Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính. (iii) Khai thuế sử dụng đất nông nghiệp: - Đối với tổ chức: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết. - Đối với hộ gia đình, cá nhân: Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp theo mẫu số 01/TB-SDDNN Phụ lục V ban kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính;		
90	1.011006	Khai tiền thuê đất đối với trường hợp chưa có quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất	Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: + Tờ khai tiền thuê đất mẫu 01/TMDN tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; + Bản sao các giấy tờ liên quan khác (nếu có). 2. Kết quả giải quyết: Thông báo nộp tiền thuế đất theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ).	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

91	1.011046	Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng tem điện tử	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai theo Mẫu số 01/TEM ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư số 93/2026/TT-BTC và giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá dính kèm tờ khai đối với đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng tem điện tử thuốc lá 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 02/TB/TEM, Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 93/2026/TT-BTC về việc chấp nhận/không chấp nhận việc đăng ký sử dụng tem điện tử thuốc lá, tem điện tử rượu.	Quyết định số 1932/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
92	1.011047	Kế hoạch mua/mua bổ sung/ đơn đề nghị mua tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai theo Mẫu số 02/TEM ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư số 93/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 02/TB/TEM, Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 93/2026/TT-BTC về việc chấp nhận/không chấp nhận việc đăng ký kế hoạch mua/mua bổ sung/ đơn đề nghị mua tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1932/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
93	1.011049	Thông báo mất, cháy/kết quả hủy tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai theo Mẫu số 04/TEM ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư số 93/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Hệ thống thông tin giải quyết các thủ tục hành chính ngành thuế tự động trả thông báo theo Mẫu số 02/TB/TEM, Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 93/2026/TT-BTC về việc chấp nhận/không chấp nhận Thông	Quyết định số 1932/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				bảo mật, cháy/kết quả huỷ tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước		
94	1.011051	Đề nghị chuyển số lượng tem còn tồn khi sắp nhập, chia, tách/chuyển cơ quan thuế quản lý tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Thuế tỉnh, thành phố/Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Đề nghị theo Mẫu số 06/TEM ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư số 93/2026/TT-BTC 2. Kết quả giải quyết: Mẫu số 02/TB/TEM, Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 93/2026/TT-BTC về việc chấp nhận/không chấp nhận Đề nghị chuyển số lượng tem còn tồn khi sắp nhập, chia, tách/chuyển cơ quan thuế quản lý tem điện tử thuốc lá hoặc tem điện tử rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước	Quyết định số 1932/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	
95	1.014976	Quyết toán thuế/Hoàn thuế thu nhập cá nhân nộp thừa đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế trên thu nhập tính thuế	Thuế cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026. 2. Kết quả giải quyết: (i) Trường hợp khai quyết toán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết. (ii) Trường hợp hoàn thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất: + Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước: chậm nhất là 06 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế có thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế. + Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế: chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành kết luận hoặc quyết định xử lý vi phạm sau khi kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.		
96	1.009824	Thông báo địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh, thay đổi thông tin, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh theo mẫu số 01/TB-ĐDKD kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Thông báo theo mẫu số 02/TB-ĐDKD ban hành kèm theo Thông tư số 18/2026/TT-BTC.	Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính	
97	1.009825	Thông báo/thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử	Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Tờ khai 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	Quyết định số 844/QĐ-BTC ngày 06/4/2026 của Bộ Tài chính	
98	1.014979	Hoàn nộp thừa các loại thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Thuế cơ sở	1. Thành phần hồ sơ + Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã được các tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay số thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế giá trị gia	Quyết định số 1934/QĐ-BTC ngày 20/7/2026 của Bộ Tài chính	

				tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động kinh doanh nhưng có doanh thu thực tế phát sinh chưa đến ngưỡng chịu thuế theo quy định hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế TNCN theo phương pháp thuế suất (x) doanh thu tính thuế đề nghị hoàn thuế thì Không phải nộp hồ sơ hoàn thuế mà chỉ cần ghi số thuế đề nghị hoàn vào chỉ tiêu [49] - “Đề nghị hoàn trả” hoặc chỉ tiêu [50] - “Số bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau” tại tờ khai quyết toán thuế theo mẫu số 01/TKN-CNKD khi quyết toán thuế. + Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất có số thuế nộp thừa thì không phải nộp hồ sơ hoàn thuế mà chỉ cần ghi số thuế đề nghị hoàn vào chỉ tiêu [21] - “Tổng số thuế đề nghị hoàn trả cho người nộp thuế” hoặc chỉ tiêu [24] - “Tổng số thuế bù trừ cho các khoản phát sinh của kỳ sau” tại tờ khai quyết toán thuế theo mẫu số 02/CNKD-TNCN-QTT ban hành kèm theo Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 + Các tài liệu kèm theo (nếu có) 2. Kết quả giải quyết: Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐ-HT hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐ-HT, Phụ lục số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp được bù trừ theo mẫu số 01/PL-BT đối với số thuế	
--	--	--	--	---	--

				đủ điều kiện được hoàn hoặc Thông báo số tiền đề nghị hoàn nhưng không được hoàn thuế, số tiền đề nghị hoàn chưa đủ điều kiện được hoàn thuế theo mẫu số 04/TB-HTdo Bộ Tài chính ban hành gửi người nộp thuế.		
99	1.115955	Tiêu hủy hóa đơn đặt in của cơ quan thuế, biên lai giấy, hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia (hóa đơn bằng giấy)	Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử/ Thuế Cơ sở	1. Thành phần hồ sơ: Thông báo kết quả tiêu hủy hóa đơn giấy, biên lai giấy theo Mẫu số 02/HUY-HĐBLG Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC. 2. Kết quả giải quyết: Hóa đơn giấy, biên lai giấy được tiêu hủy theo Thông báo kết quả hủy hóa đơn giấy, biên lai giấy của người nộp thuế.	Quyết định số 1896/QĐ-BTC ngày 17/7/2026 của Bộ Tài chính	

*** Ghi chú:**

- Mã số TTHC⁽¹⁾: Mã Thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Cơ quan giải quyết⁽²⁾: Cục Thuế; Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn; Chi cục Thuế Thương mại điện tử; Thuế tỉnh, thành phố; Thuế cơ sở.
- Thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết phải số hóa⁽³⁾: Thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết phải số hóa được nộp theo một trong các hình thức: bản chính; bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc; bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính; bản chụp điện tử có bản chính để đối chiếu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.